TÒA ÁN NHÂN DÂN **B – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN B - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đoàn Thị Lực**
Bà **Trần Thị Cúc**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Công Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân B - Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân B - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Mỹ Hiền -** Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân B - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 363/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2025, Quyết định hoãn phiên toà số 53/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị B -** Sinh năm: 1992, có mặt.
Nơi cư trú: thôn B xã B, tỉnh Khánh Hoà.
- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh B -** Sinh năm: 1985, vắng mặt.
Nơi cư trú: thôn B, xã B, tỉnh Khánh Hoà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:* Bà và ông Nguyễn Thanh B có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B vào năm 2011. Trong thời gian chung sống với nhau giữa bà và ông B xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi nhau nhiều lần, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không quan tâm đến nhau và đã không sống chung với nhau, bà không còn tình cảm với ông B. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 11/6/2011 và Nguyễn Minh B, sinh ngày 18/10/2016. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không trình bày ý kiến.*

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh B, sinh ngày 18/10/2016 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 11/6/2011 cho bà B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà B không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Ông B được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung bà B không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn địa chỉ thôn B, xã B, tỉnh Khánh Hòa. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân B - Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị B yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh B. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, ông B trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, các bên không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Thanh B tự nguyện kết hôn vào ngày 12/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50, Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà B trình bày quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi nhau nhiều lần, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, bà không còn tình cảm với ông B. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B. Căn cứ biên bản xác minh ngày 23/7/2025 của Toà án nhân dân B-Khánh Hoà xác minh tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn tại Uỷ ban nhân dân xã B thể hiện mâu thuẫn hôn nhân địa phương không rõ do đương sự không thông báo. Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Toà án nhân dân Tối cao xác định hôn nhân giữa bà B và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3.2] Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 11/6/2011 và Nguyễn Minh B, sinh ngày 18/10/2016. Hiện nay 02 con chung có nguyện vọng ở với bà B là phù hợp với yêu cầu của bà B, ông B không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B về việc giao 02 con chung cho bà B trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành; bà B không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên không xem xét.

Ông Nguyễn Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân B - Khánh Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quốc B, sinh ngày 11/6/2011 và Nguyễn Minh B, sinh ngày 18/10/2016 cho bà Lê Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Bà B không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Ông Nguyễn Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị B phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002766 ngày 27/5/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa (nay là Phòng thi hành án dân sự B-Khánh Hoà). Bà B đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND B - Khánh Hòa;
- UBND xã B;
(GCNKH số 50/2011);
- THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích